

Thiền sư Nguyên Thiều Siêu Bạch (1648 - 1728) và Thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong

ISSN: 2734-9195 09:45 13/11/2025

Thiền sư Nguyên Thiều không chỉ là người khai sơn nhiều ngôi chùa quan trọng mà còn là người đặt nền móng cho một hệ thống truyền thừa có tổ chức, bền vững.

Tác giả: **Thích nữ Nhuận Mỹ**

Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Phật giáo VN, HVPGVN. TP.HCM

Tóm tắt: Phật giáo từ Ấn Độ du nhập vào Việt Nam khoảng thế kỷ thứ II TCN (hoặc sớm hơn là đầu Công nguyên), trải qua nhiều thăng trầm lịch sử và đã gắn bó sâu sắc với dân tộc Đại Việt. Thời Lý - Trần (1009 - 1400) Phật giáo có thể được coi là Quốc giáo, đến thời nhà Hậu Lê (TK XVII - XVIII) thì Phật giáo được phục hưng và phát triển theo bước chân các chúa Nguyễn mở mang bờ cõi về phương Nam.

Giai đoạn Phật giáo phát triển ở Đàng Trong, lúc này bên Trung Quốc đang trải qua biến động chính trị lớn khi nhà Thanh phế nhà Minh thành lập vương triều Thanh.

Biến cố này đã tạo ra làn sóng di cư, trong đó có các thiền sư Trung Hoa sang vùng đất mới và thành lập những ngôi chùa, truyền bá Phật giáo tại Đàng Trong. Nổi bật trong đó là thiền sư Nguyên Thiều (1648 - 1728), một bậc danh Tăng thuộc phái Lâm Tế, có công lớn trong việc truyền bá Phật giáo và thiền phái này vào Đàng Trong. Thời Hậu Lê, Ngài đã sáng lập chùa Thập Tháp Di Đà tại Bình Định và đào tạo nên nhiều đệ tử xuất sắc như: Minh Vật - Nhứt Tri, Thành Đăng - Minh Lượng, và Thành Nhạc - Ấn Sơn, những người sau này tiếp tục truyền thừa và phát triển thiền phái Lâm Tế - Nguyên Thiều khắp miền Nam và miền Trung Việt Nam.

Từ khóa: thiền sư Nguyên Thiều, truyền bá, thiền phái Lâm Tế - Nguyên Thiều.

1. Sơ lược lịch sử Phật giáo ở Đàng Trong nước Đại Việt thế kỷ XVII - XVIII

Thời Lê Trung hưng (1533 - 1789) Phật giáo mới được phục hưng mạnh mẽ và phát triển dưới sự bảo trợ, quan tâm của các vua Lê và chúa Trịnh - chúa Nguyễn. Thời kỳ này đánh dấu sự chuyển biến quan trọng trong chính sách tôn giáo của triều đình, phản ánh những thay đổi sâu sắc trong bối cảnh chính trị - xã hội của đất nước. Các văn bia còn lưu giữ nhiều ghi chép về hoạt động xây dựng, trùng tu chùa, viện với sự tham gia tích cực của giới quý tộc và dân chúng trong thời kỳ nước Đại Việt chia đôi Đàng Trong/Đàng Ngoài. Phật giáo với nhiều thiền phái, đa dạng pháp môn luôn là nơi nương tựa tâm linh cho mọi người.

Giai đoạn này chứng kiến sự du nhập của thiền phái Lâm Tế vào Đàng Trong, với thiền sư Nguyên Thiều là vị Tổ sư chính. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho Phật giáo Việt Nam, với sự góp mặt của một thiền phái mới từ Trung Hoa truyền vào với hệ thống giáo lý và phương pháp tu học, góp phần phát triển Phật giáo tại xứ Đàng Trong.

Sự truyền thừa của thiền phái Lâm Tế tiếp tục với các bậc danh tăng khác như: thiền sư Minh Hoàng - Tử Dung, thiền sư Minh Hải - Pháp Bảo, thiền sư Minh Vật - Nhất Tri, thiền sư Minh Giác - Kỳ Phương. Bên cạnh thiền phái Lâm Tế, thì thiền phái Tào Động do thiền sư Thạch Liêm, truyền vào năm 1695[1], đã góp phần làm phong phú thêm các pháp môn tu tập tại Đàng Trong. Theo bước chân mở mang bờ cõi về phương Nam của các chúa Nguyễn, Phật giáo Đàng Trong được gây dựng và phát triển với những đặc trưng riêng, không còn chịu ảnh hưởng nhiều từ Phật giáo Đàng Ngoài. Đây là một trong những nhân tố quan trọng tạo điều kiện cho Phật giáo Đàng Trong hình thành bản sắc riêng trong quá trình phát triển sau này[2].

Trước đó thiền phái Lâm Tế được truyền vào Việt Nam thời Hậu Lê khoảng năm 1633, bởi thiền sư Trung Quốc là Viên Văn - Chuyết Chuyết (Chuyết Công) (1590 - 1644) và đệ tử là Minh Hành - Tại Tại (1596 - 1659) đến Đàng Trong rồi ra Đàng Ngoài. Theo Hòa thượng Phúc Điền trong Thiền uyển truyền đăng lục, quyển hạ, tông Lâm Tế truyền từ Đàng Trong rồi ra Đàng Ngoài từ Chuyết Công truyền đến thiền sư Minh Hành và thiền sư Minh Lương, đến thiền sư Chân Nguyên.

Thiền phái Lâm Tế đã được bản địa hóa và phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam từ thế kỷ XVII, tạo ra nhiều nhánh thiền mới như: Lâm Tế Chánh tông, Lâm Tế - Nguyên Thiều, Lâm Tế - Chúc Thánh và Lâm Tế - Liễu Quán. Sự kết hợp này

phản ánh quá trình tiếp biến văn hóa, cho thấy sự hòa quyện giữa thiền học Trung Hoa và văn hóa dân tộc Việt, phù hợp với nhu cầu tâm linh của người dân và phát triển rộng khắp ở Đàng Trong.

Thiền phái Lâm Tế ở Trung Hoa có rất nhiều bài kệ truyền pháp. Khi truyền sang Đàng Trong và Đàng Ngoài của nước Đại Việt, chỉ dùng tiếp một vài bài kệ như ở Trung Hoa, một số thiền sư thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong và Đàng Ngoài sáng tác thêm những bài kệ mới và vẫn còn truyền tiếp mãi cho đến nay, điển hình như trường hợp của thiền sư Minh Hải - Pháp Bảo, thiền sư Thiệt Diệu - Liễu Quán ở Đàng Trong[3].



Chùa Thập Tháp Di Đà (Bình Định). Ảnh sưu tầm.

2. Thiền sư Nguyên Thiều Siêu Bạch (1648 - 1728) và quá trình truyền bá thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong của Đại Việt

Thiền sư Nguyên Thiều là đệ tử của thiền sư Bốn Quả - Khoáng Viên, đời 32 tông Lâm Tế, trụ trì Báo Tư Tân Tự tại Giang Lăng, Quảng Châu, Trung Quốc. Thiền sư Nguyên Thiều đóng vai trò then chốt trong việc truyền bá và phát triển thiền phái Lâm Tế tại Đàng Trong. Thiền sư sang Việt Nam vào khoảng thế kỷ XVII, đến tại phủ Quy Ninh (Bình Định) và lập chùa Thập Tháp Di Đà, tại đây thiền sư đã truyền bá phái Lâm Tế - Nguyên Thiều ra khắp khu vực Đàng Trong.

Tư liệu về hành trạng của thiền sư được ghi chép trong nhiều nguồn sử liệu như: bia tháp Tổ Nguyên Thiều tại chùa Quốc Ân Hà Trung, Huế, Lịch truyện Tổ đồ,

Đến năm Mậu Thân (1728), thiền sư Nguyên Thiều lâm bệnh. Ngài hợp môn đồ lại dặn dò mọi việc và viết bài kệ viên tịch. Theo Lịch truyện Tổ đồ ghi: “

????", (Đến năm Mậu Thân, hiện tượng bệnh, chiêu tập tứ chúng lại dặn dò mọi việc và lấy bút viết bài kệ rằng: Tịch tịch kính vô ảnh/ Minh minh châu bất dung/ Đường đường vật phi vật/ Liêu liêu không vật không. Viết xong, ngài ngồi ngay thẳng mà tịch vào ngày 19 tháng 10, hạ lạp 63, tuổi thọ 81. Đồ chúng cùng các tế quan thọ giới đệ tử làm tháp ở Hóa Môn (Thuận Hóa, làng Dương Xuân Thượng))[8].



Theo Đại Nam liệt truyện chép Hiến Tôn Hoàng đế đã ban thụy hiệu “*Hạnh Đoan thiên sư*” cho ngài, đồng thời làm bi ký và bài minh để ghi nhận công đức. Bài minh ca ngợi: “[□□□ □□□ □□□□□□ □□□ □□□ □□□ □□□ □□□]”,[9] (Chính giác tốt tốt. /Ngôi chùa đường hoàng/ Vui chơi trăng nước/ Giữ giới vững vàng./ Trông, lắng, bền, vững./ Đứng cao nghiêm trang./ Cái thân vốn không/ Truyền giáo, giúp người./ Mây từ che rợp/ Đốc tuệ khắp soi./ Coi vào nghiệm thay!/ Như núi Thái Sơn/ Cao cao tuyệt vời.[10]

Qua bài văn bia cho thấy chúa Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725)

tán dương công đức của Tổ Nguyên Thiều là bậc danh Tăng tiêu biểu có trí tuệ sáng ngời và giới luật tinh nghiêm, đạo hạnh thâm uyên. Ngài xứng đáng với đạo hiệu Hạnh Đoan thiền sư.

Theo HT. Thích Thanh Từ nhận định: *“Hoàng đế Hiến Tông ban thụ hiệu là Hạnh Đoan thiền sư và làm bài minh [...] Sư là vị Tổ truyền phái Lâm Tế vào Trung Việt đầu tiên. Những vị đồng tông Lâm Tế ở Trung Hoa sang Việt Nam dưới sự một đời, như Minh Hoằng - Tử Dung, Minh Hải - Pháp Bảo, Minh - Vật Nhất Tri và các đệ tử của sư đồng truyền bá tông Lâm Tế ở đây.”*[11]

Tông Lâm Tế đến đời pháp thứ 21 là Tổ Vạn Phong Thời Ủy[12] ở chùa Thiên Đồng Trung Hoa, xuất ra bài kệ: *“Tổ đạo giới định tông/ Phương quảng chứng viên thông/ Hành siêu minh thực tế/ Liễu đạt ngộ chân không”*. Đến đời pháp thứ 31 là thiền sư Đạo Môn (Thông Thiên Hoằng Giác) ở chùa Thiên Khai Trung Hoa, lại xuất bài kệ truyền pháp và hình thành nên pháp phái Thiên Đồng thuộc dòng thiền Lâm Tế, bài kệ: *“Đạo bốn nguyên thành Phật Tổ tiên/ Minh như hồng nhật lệ trung thiên/ Linh nguyên quảng nhuận từ phong phổ/ Chiếu thế chân đăng vạn cổ huyền”*.

Thiền sư pháp danh Nguyên Thiều tự Hoán Bích, thiền sư dùng hai dòng kệ truyền pháp: một của Tổ Vạn Phong Thời Ủy, và một của ngài Thông Thiên Hoằng Giác (hay Đạo Môn Mộc Trần). Do quy y với Hòa thượng Bốn Quả Khoáng Viên, đệ tử của thiền sư Đạo Môn Mộc Trần (1596 - 1674)[13]. Thiền sư trong quá trình truyền thừa, với ý định giữ cả hai bài kệ[14].

Do đó, ngài có hai pháp danh: theo Tổ Vạn Phong là Siêu Bạch - Thọ Tông. Theo Tổ Đạo Môn Mộc Trần là Nguyên Thiều - Hoán Bích. Khi truyền pháp, ngài sử dụng hai dòng kệ khác nhau tùy theo nhân duyên: *“Thành, Phật, Tổ, Tiên...”* hoặc *“Minh, Thiết, Tế...”*. Tuy nhiên cũng chính nguyên nhân thiền sư dùng cả hai pháp kệ này dẫn đến phổ hệ truyền thừa của phái Lâm Tế - Nguyên Thiều rất phức tạp. Pháp kệ theo dòng truyền pháp của Tổ Đạo Môn Mộc Trần thì được thiền sư dùng nhiều hơn.

Hiện nay, long vị của Tổ sư được thờ tại nhiều nơi. Tại Tổ đường chùa Thập Tháp ghi: *“Từ Lâm Tế chính tông tam thập tam thế, Quốc Ân đường thượng, thượng Thọ, hạ Tôn, húy Nguyên Thiều đại lão Hòa thượng liên tọa”*. Tại chùa Giác Lâm (quận Tân Bình, TP. HCM) cũng có thờ long vị ghi: *“Sắc tứ Quốc Ân đường thượng, Lâm Tế chính tông tam thập tam thế, thượng Hoán hạ Bích, húy Siêu Bạch lão Tổ Hòa thượng giác linh”*. Tại chùa Quốc Ân Kim Cang, Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, các đệ tử cũng dựng một tháp thờ Tổ sư Nguyên Thiều. Tháp này được phát hiện vào ngày 18 tháng 11 năm Mậu Thìn (26/12/1988) bởi HT. Thích Minh Lượng và Tăng chúng.

Thiền sư Nguyên Thiều đã đào tạo được nhiều đệ tử xuất sắc tiếp nối sự nghiệp truyền bá thiền phái Lâm Tế - Nguyên Thiều phát triển ra khắp khu vực Đàng Trong thời chúa Nguyễn. Các vị đệ tử xuất sắc của thiền sư Nguyên Thiều như sau:

Thiền sư Thành Đạt - Minh Vật - Nhất Tri, kế thừa trụ trì chùa Quốc Ân Kim Cang (Đồng Nai), thuộc tông Lâm Tế đời thứ 34.

Thiền sư Thành Đăng - Minh Lượng - Nguyệt Ân (1686 - 1769), thuộc tông Lâm Tế đời thứ 34, khai sơn chùa Vạn Đức (Hội An), chùa Bảo Phong (Khánh Hòa), trụ trì chùa Đại Giác (Biên Hòa).

Thiền sư Minh Giác - Kỳ Phương - Thành Đạo thuộc tông Lâm Tế đời thứ 34. Ngài là người kế thừa trụ trì Tổ đình Thập Tháp Di Đà (Bình Định). Sau ngài ra trụ trì chùa Thiên Mụ và chùa Quốc Ân.

Thiền sư Minh Hải - Pháp Bảo (1670 - 1754) hiệu Đắc Trí, tông Lâm Tế đời thứ 34, thành lập nhánh Lâm Tế - Chúc Thánh, khai sơn chùa Chúc Thánh tại Quảng Nam.

Thiền sư Thành Nhạc - Ẩn Sơn thuộc tông Lâm Tế đời thứ 34, khai sơn chùa Châu Thới ở Bình Dương, kế thừa trụ trì chùa Long Thiền ở Đồng Nai.

Thiền sư Thành chí - Pháp Thông - Minh Dung (1691-1749) thuộc tông Lâm Tế đời thứ 34, hoằng pháp ở chùa Hoàng Long.

Thiền sư Minh Hằng - Định Nhiên thuộc tông Lâm Tế đời thứ 34, kế thế Tổ sư Nguyên Thiều trụ trì chùa Quốc Ân ở Huế.

Thiền sư Minh Phụng thuộc tông Lâm Tế đời thứ 34, khai sơn chùa trên núi Hòn Sấm, thuộc Khánh Hòa, gần chùa Bảo Phong.

Thiền sư Thành Ngộ - Nghiêm Am thuộc tông Lâm Tế đời thứ 34, hoằng hóa ở chùa Linh Thụ truyền bá Phật pháp tại Đàng Trong.



Chùa Thập Tháp Di Đà (Bình Định). Ảnh sưu tầm.

3. Tư tưởng thiền học của Thiền sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch

Thiền sư Nguyên Nguyên đã có tâm nguyện lớn khi truyền bá dòng thiền Lâm Tế vào vùng đất Đàng Trong nước Đại Việt (TK XVII-XVIII). Tư tưởng thiền học của Tổ Nguyên Thiều thể hiện rõ trong quá trình hoằng dương Phật pháp tại Đàng Trong nước Việt. Vốn dĩ phương pháp tu của thiền phái Lâm Tế là khai ngộ dùng công án, thiền về đốn ngộ (tiến ngay vào cảnh giới giác ngộ chỉ trong khoảnh khắc), bằng cách quát, mắng, đánh, hét. Lâm Tế còn kế thừa tư tưởng “*Nông Thiền tịnh dụng*” (thiền và tất cả các công việc hàng ngày), “*Khán thoại thiền*” của thiền tông Trung Hoa.

Thiền phái Lâm Tế khi truyền vào Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài đã trở nên ít quan tâm đến công án cũng như những khái niệm về Thiền học mà thiền phái áp dụng pháp môn “*Thiền Tịnh song tu*”, “*Thiền - Tịnh - Mật đồng tu*” để giúp người tu tập có thể tùy duyên thực hành và phù hợp với căn cơ, sở nguyện của mọi người. Từ đó hành giả thực hiện công phu tu tập mau đạt được mục tiêu giác ngộ, Niết-bàn.

Chính vì vậy giáo nghĩa “*thiền tịnh song tu*” được thiền sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch truyền bá đến khắp mọi tầng lớp trong xã hội thời bấy giờ. Tại phủ Quy Ninh, Bình Định thiền sư lập ngôi chùa lấy tên là “*Thập Tháp Di Đà*” để truyền bá tư tưởng này ngay từ khi mới đặt chân lên đất Việt. Thiền sư còn cho khắc in quyển “*Tịnh độ huyền môn*” và “*Pháp Hoa hội nghĩa*”. Kể từ Tổ sư Nguyên

Ở trong tập “*Kiết hạ an cư thị chúng*,” thiền sư Minh Giác - Kỳ Phương là đệ tử của thiền sư Nguyên Thiều có dạy chúng rằng: “*Một câu Di Đà không niệm khác, thì phút giây chẳng nhọc đến Tây phương. Cho nên Di Đà là chính mình, sao lại hướng ngoại nhọc tìm màu nhiệm. Chỉ ra việc niệm Phật là tự tính, cho nên chính mình với thoại đầu trở thành oan gia đối địch*”. Và thiền sư Minh Giác - Kỳ Phương đã đồng ý Thiền Tịnh thống nhất với nhau với ngài Vĩnh Minh - Diên Thọ rằng: “*Có Thiền không Tịnh độ, mười người tu chín người trật. Có Thiền có Tịnh độ muôn người không mất một*”[15].

Thiền sư Bồn Quả Khoáng Viên dòng Lâm Tế Chánh tông đời thứ 32 trụ trì chùa Báo Tư ở Giang Lăng, Quảng Châu (bái soạn). Như vậy, vào mùa thu năm Tân Mùi (1691), ngài Nguyên Thiều gửi một phong thư đến Quảng Châu cho thầy mình là thiền sư Bồn Quả Khoáng Viên bày tỏ muốn khắc bản Lịch truyện Tổ đồ để lưu hành ở An Nam. Do đó thiền sư Bồn Quả, mới viết tựa cho sách và gửi sang Việt Nam để khắc in. Ý nghĩa của quyển Lịch truyện Tổ đồ là ghi chép sự truyền thừa của pháp phái Thiên Đồng.

Đương thời thiền sư Nguyên Thiều là bậc Tổ sư sáng ngời đạo hạnh có công lớn trong việc truyền bá tư tưởng thiền phái Lâm Tế, góp phần phục hưng và phát triển Phật giáo ở Đàng Trong thời Hậu Lê. Lúc cuối đời Tổ sư nêu lên việc thiết yếu của người tu thiền với bài kệ bốn câu. Nội dung này chứa đựng đầy đủ triết lý và ý nghĩa của Phật pháp mà người xuất gia đệ tử Phật cần thấy rõ được trong công phu tu thiền để đạt đến cứu cánh giải thoát, chứng ngộ Niết-bàn. Hai

câu đầu: “*Tịch tịch kính vô ảnh, Minh minh châu bất dung*”.

Trong câu này thiền sư dùng hình ảnh “*gương sáng*”, “*ngọc minh châu*” để ẩn dụ chỉ cho Phật tính sáng suốt sẵn có trong mỗi con người, Phật tính ấy vốn trong lặng, sáng ngời như gương không bóng, quý báu như ngọc không hình. Hai câu sau: “*Đường đường vật phi vật, / Liêu liêu không vật không*”. Nghĩa là vốn dĩ các pháp đều do nhân duyên hòa hợp mà tạo thành nên đều là tính không mà không có thật tướng tức “*vật phi vật*”. Cũng như lời đức Phật dạy trong kinh Kim cang: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai*”[17].

Nên hành giả giác ngộ được các pháp vốn là “*tính không, vô ngã*”, không thật có như lời Phật, Tổ dạy ở trên thì có thể nhập được với tính không ấy. Khi sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) không còn bị dính mắc vào sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), tâm sẽ hết phiền não, không còn phân biệt hay chấp trước. Lúc này, tâm sẽ đạt được sự an lạc, tự tại và thấy rõ được bản chất tâm thanh tịnh, bất sinh bất diệt. Chỉ khi hành giả giác ngộ được như vậy thì mới ứng dụng lời dạy của chư Phật, chư Tổ mà làm các Phật sự, thực hành Bồ tát đạo, lợi ích nhân sinh.

Những điều cốt yếu của Tổ sư Nguyên Thiều dạy qua bài kệ có thể thấy đây là chìa khóa vàng, để hành giả xuất gia ứng dụng tu tập trong thực tại mà đạt được chính niệm đi đúng đạo lộ đạt đến quả vị giác ngộ Niết bàn. Những công đức và đạo hạnh thâm uyên của Tổ sư Nguyên Thiều cao ngời như núi thái sơn nên sau khi ngài viên tịch chúa Nguyễn Phúc Chu đặc biệt phong tặng danh hiệu “*Hạnh Đoạn thiền sư*” còn kèm theo bài thơ khen về đạo hạnh của Tổ sư Nguyên Thiều lưu lại cho hậu thế.

4. Kết luận

Thiền sư Nguyên Thiều đóng vai trò then chốt trong việc thiết lập và phát triển thiền phái Lâm Tế - Nguyên Thiều tại Việt Nam. Ngài không chỉ là người khai sơn nhiều ngôi chùa quan trọng mà còn là người đặt nền móng cho một hệ thống truyền thừa có tổ chức, bền vững.

Phương pháp truyền pháp linh hoạt với hai dòng kệ của ngài đã tạo ra sự đa dạng trong thống nhất, giúp thiền phái Lâm Tế - Nguyên Thiều phát triển mạnh mẽ và thích ứng với điều kiện ở Việt Nam. Về tư tưởng thiền học của thiền sư Nguyên Thiều là kết hợp giữa thiền và niệm Phật làm phương pháp tu phù hợp với căn cơ của mọi người. Vì vậy mà những thư tịch và thơ kệ mà thiền sư để lại còn truyền thừa mãi đến nay.

Thông qua những đóng góp về mặt tôn giáo, văn hóa, và cả chính trị, Tổ sư Nguyên Thiều đã trở thành một trong những nhân vật quan trọng nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thời kỳ chúa Nguyễn, để lại nhiều di sản quý báu cho các thế hệ sau.

Tài liệu tham khảo:

- 1) Nguyễn Duy Hình (1999), Tư tưởng Phật giáo Việt Nam, Nxb. KHXH HN, tr.651.
- 2) Trần Hồng Liên (2000), Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam bộ - Việt Nam (TK XVII-1975), Nxb. KHXH, Hà Nội, tr.9.
- 3) Nguyễn Hiền Đức, Lịch sử Phật giáo Đàng Trong, tập 1, 2, Nxb. Thành Phố, năm 1995, tr.149.
- 4) [] , tờ 79b; 8) tờ 79b; 16) tờ 3 ab (Thư viện Huệ Quang, in năm 2015).
[4] [] , tờ 74 b, (VNCHNHQ, 2015)
- 5) Thích Nữ Hạnh Hiếu, Lịch sử hình thành Tổ đình Quốc Ân Kim Cang Vĩnh Cửu Đồng Nai, Luận văn thạc sĩ Phật học, chuyên ngành lịch sử Phật giáo, HVPGVN, TP. HCM, tr.31.
- 6) Thích Minh Trí, “Sơ khảo các bản in kinh Pháp Hoa do chư Tổ thiền phái Liễu Quán trợ ấn và khắc san”, Tạp chí Liễu Quán, số 34,1/ 2025, tr.34.
- 7) Thích Đồng Dưỡng, “Ghi chú về truyền thừa thiền phái Lâm tế dòng Nguyên Thiều Siêu Bạch tại Đàng Trong”, Tạp chí Liễu Quán, số 8, tháng 5 năm 2016, tr.100.
- 9) [] bia tháp Tổ Nguyên Thiều, chùa Hà Trung, Huế.
- 10) Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, Đại Nam Liệt Truyện, tập 1, Đỗ Mộng Khương (dịch), Nxb Thuận Hóa, Huế, Năm 2006, tr.191-192.
- 11) Thích Thanh Từ (2004), Thiền sư Việt Nam, Nxb Tôn giáo - Hà Nội, tr.262.
- 12) Tổ Vạn Phong Thời Ủy: Vạn Phong Thời Ủy (1303 - 1381) Tổ thứ 21 của thiền Phái Lâm Tế.
- 13) Đạo Môn Mộc Trần, người thành lập phái Lâm Tế Thiên Đồng ở Ninh Ba, Trung Quốc.
- 14) Thích Thiện Nhơn, Tổ sư Nguyên Thiều, phái Lâm Tế công đức và sự truyền thừa, Tạp chí Văn hóa Phật giáo, số 262, 1/12/ 2016, tr.19.

15) Thích Thái Hòa (2013), Đi vào bản nguyên Tịnh độ, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, TP. HCM, tr.77.

17) Hòa thượng Thích Thanh Từ (2017), Kinh kim cang giảng giải, Nxb. Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.19.

17) Thích Đồng Bổn (chủ biên) (2014), Phật giáo thời Hậu Lê, tập 4, Nxb. Tôn giáo, tr.7.

Tác giả: **Thích nữ Nhuận Mỹ** - Học viên Cao học chuyên ngành Lịch sử PGVN, HVPGVN tại TP.HCM